

Số: 71 /2026/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 25 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ lưu trú du lịch và dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15; Luật số 61/2024/QH15; Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Du lịch số 09/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 168/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 94/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 142/2018/NĐ-CP sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Du lịch;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ lưu trú du lịch và dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ lưu trú du lịch và dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đối với:

1. Khách sạn.

2. Biệt thự du lịch.
3. Căn hộ du lịch.
4. Tàu thủy lưu trú du lịch.
5. Nhà nghỉ du lịch.
6. Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê.
7. Bãi cắm trại du lịch.
8. Dịch vụ tham quan tại khu du lịch.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch; dịch vụ tham quan tại khu du lịch và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với khách sạn

1. Có tối thiểu 10 buồng ngủ; có quây lễ tân, phòng vệ sinh chung.
2. Có nơi để xe cho khách đối với khách sạn nghỉ dưỡng và khách sạn bên đường.
3. Có bếp, phòng ăn và dịch vụ phục vụ ăn uống đối với khách sạn nghỉ dưỡng, khách sạn nội, khách sạn bên đường.
4. Có giường, đệm, chăn, gối, khăn mặt, khăn tắm; thay bọc đệm, bọc chăn, bọc gối, khăn mặt, khăn tắm khi có khách mới.
5. Có nhân viên trực 24 giờ mỗi ngày.
6. Tiêu chí đánh giá xếp hạng sao đối với khách sạn thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4391:2015 Khách sạn - Xếp hạng.

Điều 4. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với biệt thự du lịch

1. Có các đặc điểm quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 3 Quyết định này.
2. Có khu vực tiếp khách, phòng ngủ, bếp và phòng tắm, phòng vệ sinh.
3. Tiêu chí đánh giá xếp hạng sao đối với Biệt thự du lịch thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7795:2021 Biệt thự du lịch - Xếp hạng.

Điều 5. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với căn hộ du lịch

1. Có các đặc điểm quy định tại khoản 4 Điều 3, khoản 2 Điều 4 Quyết định này.
2. Tiêu chí đánh giá xếp hạng sao đối với Căn hộ du lịch thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7798:2014 Căn hộ du lịch - Xếp hạng.

Điều 6. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với tàu thủy lưu trú du lịch

1. Có khu vực đón tiếp khách, phòng ngủ (cabin), phòng tắm, phòng vệ sinh, bếp, phòng ăn và dịch vụ phục vụ ăn uống.
2. Có các đặc điểm quy định tại khoản 4 Điều 3 Quyết định này.
3. Tiêu chí đánh giá xếp hạng sao đối với Tàu thủy lưu trú du lịch thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9372:2012 Tàu thủy lưu trú du lịch - Xếp hạng.

Điều 7. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với nhà nghỉ du lịch

1. Có khu vực đón tiếp khách và phòng ngủ; có phòng tắm, phòng vệ sinh.
2. Có các đặc điểm quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 3 Quyết định này.
3. Tiêu chí đánh giá Nhà nghỉ du lịch thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7799:2017 Nhà nghỉ du lịch.

Điều 8. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê

1. Có khu vực lưu trú cho khách; có bếp, phòng tắm, phòng vệ sinh.
2. Có giường, đệm hoặc chiếu; có chăn, gối, màn, khăn mặt, khăn tắm; thay bọc đệm hoặc chiếu; thay bọc chăn, bọc gối, khăn mặt, khăn tắm khi có khách mới.
3. Tiêu chí đánh giá Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7800:2017 Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê.

Điều 9. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với bãi cắm trại du lịch

1. Có khu vực đón tiếp khách, khu vực dựng lều, trại, phòng tắm, vệ sinh chung.
2. Có tủ thuốc cấp cứu ban đầu.
3. Có nhân viên bảo vệ trực khi có khách.
4. Tiêu chí đánh giá Bãi cắm trại du lịch thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7796:2009 Bãi cắm trại du lịch.

Điều 10. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tham quan tại khu du lịch

1. Giá dịch vụ tham quan đối với người trên 15 tuổi đến dưới 60 tuổi.
2. Giá dịch vụ tham quan đối với trẻ em từ 06 đến 15 tuổi và người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên).
3. Giá dịch vụ tham quan đối với trẻ em dưới 06 tuổi.
4. Giá dịch vụ tham quan khác.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2026.

2. Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ lưu trú du lịch và dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Sở Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 12;
- Vụ Pháp chế - Bộ VHTTDL;
- Cục KTVB và TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, VP5.

Zh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Song Tùng